

Bản án số: 27/2017/HS-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH BẠC LIÊU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.*

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Tuấn Kiệt.

2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngộ - Kiểm sát viên.*

Ngày 11 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2017/HSST ngày 31 tháng 03 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BHT** (tên gọi khác: TCL), sinh năm 1995 tại Bạc Liêu; Trú tại: khóm A, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Tạm trú: khóm C, phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: BHD (sinh năm 1968) và bà LTNT (sinh năm 1976); Chưa có vợ, con. Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 20/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kết án 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 22/4/2015. Tạm giữ ngày 19/01/2017. Tạm giam ngày 24/01/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B (Cố mặt).

- Bị hại:

1. Anh NVH, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh CPN, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu vực TM, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ.

3. Anh THT, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu vực TM, phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ.

NHẬN THẤY:

Bị cáo BHT bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu truy tố về hành vi như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 19/01/2017, BHT đi bộ về nhà đến trước cửa hàng Đào Nguyên, thuộc khóm E, phường D, thành phố B thì nhìn thấy anh NVH, CPN và THT đang nằm ngủ trên vỉa hè, bên cạnh có để điện thoại di động nên nảy sinh ý định lấy trộm. BHT đi đến kéo mùng, lấy điện thoại di động Asus, loại Zenphone 5, màu đen của anh THT bỏ vào túi quần. Sau đó, BHT định tiếp tục lấy trộm tài sản thì anh CPN

cử động, sợ bị phát hiện nên BHT đem điện thoại vừa lấy được về phòng trọ của mình cất giấu. Một lúc sau, BHT quay lại lấy điện thoại di động Nokia, màu đen của anh NVH bỏ vào túi quần, rồi tiếp tục nắm dây sạc điện thoại di động Oppo, loại Neo 7, màu đen của anh CPN đang sạc pin để kéo điện thoại ra ngoài thì bị anh CPN phát hiện, truy hô nên BHT bỏ chạy. Cùng lúc có lực lượng Công an phường D, thành phố B, bắt giữ BHT cùng tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản: 22/KL-HĐĐGTS ngày 24/01/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Asus, loại Zenphone 5, tỷ lệ còn lại 60%, có giá 1.794.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, tỷ lệ còn lại 40%, có giá: 152.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại Neo 7, tỷ lệ còn lại 95%, có giá 2.840.500 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 4.786.500 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 29/QĐ-KSĐT ngày 29/03/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo BHT về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo BHT từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo BHT đã thực hiện hành vi lén lút lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Asus, loại ZENPHONE 5 (màu đen, lưng dán màu vàng), trị giá 1.794.000đ của anh THT đem về phòng trọ cất giấu và tiếp tục đến lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, trị giá 152.000đ của anh NVH và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại Neo 7 trị giá 2.840.500đ của anh CPN đang sạc pin thì bị phát hiện và bắt quả tang bị cáo BHT. Sự việc trộm tài sản diễn ra vào lúc khoảng 03 giờ sáng ngày 19/01/2017 tại phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 4.786.500đ.

Bị cáo BHT là người đã trưởng thành, có thể chất tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, am hiểu lẽ sống xã hội, nhận thức được pháp luật, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì bản tính tham lam, không chịu lao động chân chính, đã thôi thúc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp. Chính hành vi lén lút, cất giấu tài sản chiếm đoạt, khi bị phát hiện thì bỏ chạy đã thể hiện thái độ lỗi có ý trực tiếp của bị cáo.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên 2.000.000đ nhưng dưới 50.000.000đ của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản của người khác, đó là tài sản của các anh NVH, THT và CPN, đã gây thiệt hại về vật chất, tinh thần đối với người bị hại, đồng thời còn làm cho nhân dân lo lắng, không an tâm trong sinh hoạt đời sống, ảnh hưởng trật tự trị an địa phương, bị pháp luật hình sự quy định là Tội phạm.

Xét về nhân thân: Ngày 24/09/2012, bị cáo BHT bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kết án 04 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 23/06/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kết án 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 20/11/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu kết án 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đối với lần kết án ngày 24/09/2012 và ngày 23/06/2014, thì bị cáo BHT còn là người chưa thành niên nên không xem đây là tiền án theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo được Bộ luật Hình sự năm 2015 ghi nhận, mà chỉ xem lần kết án ngày 20/11/2014 là bị cáo BHT có 01 tiền án. Như vậy, bị cáo BHT đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ sự phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo BHT là người có tội, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản này là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với thực tế khách quan.

Tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà thành khẩn khai báo những hành vi sai phạm của mình và ăn năn hối cải, phạm tội chưa gây thiệt hại là tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về dân sự: Tài sản bị mất trộm đã thu hồi và trao trả cho bị hại xong, bị hại không có yêu cầu nào khác, nên Hội đồng xét xử không đặt lại vấn đề xem xét phán quyết phần này.

Bị cáo BHT bị kết tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo BHT (tên gọi khác: TCL) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Tuyên phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo BHT 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày tạm giữ 19/01/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Buộc bị cáo BHT phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- CAND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- VKSND TP.B;
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Lưu HS.

Lê Phan Công Trí